

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2021/HSST

Ngày 22-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

*** Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thiêm.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Minh Thiết - Giáo viên nghỉ hưu.

2. Ông Trần Thành Đô - Cán bộ hưu trí.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2021/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 04/2021/TA-TB ngày 27/4/2021 đối với bị cáo:

*** Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 27/8/2003.** ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ1, xã M, huyện L, tỉnh B. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1969; Con bà: Nguyễn Thị X, sinh năm 1978; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị bắt quả tang, không bị tạm giữ. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo:**

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978 - Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 - Vắng mặt tại phiên tòa

Cùng địa chỉ: Thôn Đ1, xã M, huyện L, tỉnh B.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Thị X, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn Đ1, xã M, huyện L, tỉnh B - Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Đ1, xã M, huyện L, tỉnh B - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 00 phút ngày 16/12/2020, tại khu vực bờ đê xã Dương Đức, huyện L, Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh B phối hợp với cơ quan CSĐT, Công an huyện L phát hiện Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 27/8/2003 trú tại Thôn Đ1, xã M, huyện L, tỉnh B có biểu hiện nghi vấn đã tiến hành kiểm tra theo quy định, phát hiện và thu giữ:

- Tại vị trí sau đuôi xe mô tô BKS 98M1 – 213.13 trên đường bê tông có 01 bao tơ dừa màu xanh, bên trong chứa 01 thùng bìa cát tông có in chữ nước ngoài, trong thùng bìa cát tông có 12 vật hình hộp vỏ màu có in hoa văn và chữ bên ngoài (nghi là pháo) có tổng khối lượng 16kg (mười sáu kilogam).

- 01 xe mô tô BKS 98M1 – 213.13;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, bên trong có lắp 01 sim điện thoại.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an huyện L tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Hồng Đ không phát hiện thu giữ gì; Nguyễn Hồng Đ tự nguyện giao nộp 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên mình.

Vật chứng thu giữ được nghi là pháo nổ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã niêm phong gửi giám định. Tại kết luận giám định số 1871/KL - KTHS ngày 22/12/2020 công an tỉnh B kết luận :

Trong 01 bao tơ dừa màu xanh đã được niêm phong gửi giám định: Trong 01 thùng bìa cát tông in chữ nước ngoài màu đỏ: 12 vật dạng khối hình hộp (bên ngoài mỗi khối được bọc giấy màu in hoa văn và chữ nước ngoài, bên trong mỗi khối gồm 36 vật hình trụ vỏ giấy được liên kết với nhau) đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo, khi kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ), tổng khối lượng là 16kg (mười sáu kilôgam) (BL 28-29).

Quá trình điều tra, Nguyễn Hồng Đ khai nhận: Khoảng 08 giờ sáng ngày 15/12/2020, có người đàn ông tự xưng tên là “Mạnh” dùng số điện thoại 0941039025 gọi điện vào số điện thoại 0945321820 của Đ hỏi có pháo không và nhờ lấy hộ 12 bộ pháo hoa. Đ đồng ý, bảo hôm sau sẽ có hàng và thỏa thuận sẽ lấy tiền chênh lệch của 12 bộ pháo là 200.000đ so với người bán. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Đ đi ăn đêm ở thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên và gặp người đàn ông không quen biết giới thiệu có pháo bán, Đ thỏa thuận mua pháo

của người đàn ông này với giá 500.000đ/bộ và đưa trước cho người này 6000.000đ để mua 12 bộ pháo. Người đàn ông này hẹn Đ sáng sớm hôm sau ra khu vực sân vận động thị trấn Cao Thượng để lấy pháo. Khoảng 5 giờ sáng ngày 16/12/2020, Đ điều khiển xe mô tô BKS 98M1 – 213.13 đến rìa sân vận động thị trấn Cao Thượng để lấy pháo, khi tới nơi Đ mở bao tơ dứa màu xanh thấy có 12 bộ pháo, tôi chở số pháo trên về nhà kiểm tra và chụp ảnh lại, sau đó chở pháo ra bụi tre ở bờ sông gần cầu Bến Tuần cất giấu. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ đi xe đến nhà cậu là Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 ở cùng thôn rủ đi chơi, khi đến chỗ cất giấu pháo, Đ lấy pháo nhờ Tân giữ hộ và điều khiển xe đến chỗ hẹn Mạnh để giao pháo. Khi đang cho Mạnh kiểm tra pháo tại khu vực bờ đê Dương Đức thì bị tổ Công tác của Công an huyện L phát hiện bắt giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu trên.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 27/KSĐT ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng Đ về tội “Buôn bán hàng cấm” theo khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án: bà Nguyễn Thị X có đơn trình bày gửi tới Tòa án với nội dung: bà là mẹ của bị cáo Đ. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát BKS 98M1 – 213.13 mà bị cáo sử dụng chở hàng cấm hiện đang bị thu giữ là tài sản của bà, tiền mua xe là tiền riêng bà, do bà không biết chữ nên khi mua xe bà đã cho Đ đứng tên, chiếc xe này gia đình bà cùng sử dụng chung. Khi Đ sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội bà không biết. Nay bà đề nghị được xin lại chiếc xe này.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Hồng Đ phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 190, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đ, từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số pháo đã thu giữ. Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động màu xanh đen nhãn hiệu Vivo là điện thoại bị cáo Đ dùng liên lạc giao dịch mua pháo; Trả lại bị cáo: 01 CMND mang tên Nguyễn Hồng Đ; Trả lại cho bà Nguyễn Thị X 01 xe mô tô Honda màu cam BKS 98M1-213.13 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Hồng Đ.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị về án phí hình sự đối với bị cáo và quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận tòa bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét trả lại cho mẹ bị cáo chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 98M1 - 213.13 cho mẹ bị cáo vì tiền mua xe là tiền của mẹ bị cáo bỏ ra nhưng do mẹ bị cáo không biết chữ nên cho bị cáo đứng tên làm giấy tờ đăng ký xe, chiếc xe là phương tiện gia đình bị cáo sử dụng chung; bị cáo nhất trí với phần luận tội và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

- Bà Nguyễn Thị X người đại diện hợp pháp của bị cáo và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Về tội danh Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội buôn bán hàng cấm theo khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự là đúng. Nhưng bị cáo Đ là người dưới 18 tuổi mới phạm tội lần đầu, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình bà có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bị cáo bỏ học sớm để đi làm phụ giúp kinh tế cho gia đình. Ông ngoại bị cáo là người có công với cách mạng, hiện đang hưởng chế độ bệnh binh và được Bằng khen của Bộ Quốc phòng. Bà đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng khi phạm tội là chiếc xe bà bỏ tiền mua nhưng do không biết chữ nên bà cho bị cáo đứng tên. Chiếc xe này cả nhà bà cùng sử dụng chung, bị cáo mới đi làm công ty được khoảng 2 tháng, tiền lương hàng tháng chỉ khoảng 2.000.000 đồng vì vẫn đang vừa làm vừa học việc. Bị cáo sử dụng xe thực hiện việc phạm tội bà và gia đình đều không biết. Nay bà xin lại chiếc xe mô tô này vì đây là tài sản lớn của bà và được sử dụng làm phương tiện đi lại của cả gia đình.

- Anh Nguyễn Văn T trình bày: diễn biến sự việc như cáo trạng truy tố là đúng, anh không có ý kiến gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và xem xét trả lại xe mô tô Biển kiểm soát 98M1-213.13 cho mẹ bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành

vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Lời khai của bị cáo cũng hoàn toàn phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra tội phạm. Từ các tài liệu, chứng cứ có đủ cơ sở xác định: Hồi 21 giờ 00 phút ngày 16/12/2020, tại khu vực bờ đê xã Dương Đức, huyện L, Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh B phối hợp với cơ quan CSĐT, Công an huyện L bắt quả tang Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 27/8/2003 trú tại Thôn Đ1, xã M, huyện L, tỉnh B đang có hành vi tàng trữ 16 kilogam pháo nổ mục đích để bán kiếm lời. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung. Hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố theo điều, khoản, tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[4]. Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng TNHS: Không.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo Nguyễn Hồng Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo lần đầu phạm tội, bản thân chưa có tiền án tiền sự, ông ngoại bị cáo là người có công với cách mạng, hiện đang hưởng chế độ bệnh binh, từng được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng thưởng Bằng khen nên bị cáo còn được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[5]. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Xét thấy, hành vi của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Tuy nhiên khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên khi xử lý cần bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi

và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy vì vậy cần áp dụng “Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự 2015 nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe và giáo dục bị cáo Đ trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Đối với đối tượng bán pháo cho Đ và đối tượng mua pháo của Đ (tên Mạnh), do bị cáo Đ không quen biết, không biết tên tuổi và địa chỉ cụ thể của những người này, cơ quan điều tra cũng đã xác minh nhưng không xác định được hai đối tượng trên nên không có căn cứ để xử lý. Đối với Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 là người đi cùng Đ chở pháo đi bán nhưng anh Tân hoàn toàn không biết trong bao tơ dứa có chứa pháo nổ và không biết việc Đ mua bán pháo như thế nào, hành vi của ông Tân không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý Tân, HĐXX xét thấy là đúng pháp luật.

[8] Về Vật chứng:

- 01 thùng bìa cát tông in chữ nước ngoài, bên trong chứa pháo đã được niêm phong trong 01 bao tơ dứa màu xanh có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, dải niêm phong có chữ ký của Giám định viên và đại diện Cơ quan trung cầu Công an huyện L là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại màu xanh đen nhãn hiệu Vivo là phương tiện cá nhân của bị cáo, bị cáo dùng để liên lạc mua bán pháo nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

- 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng Đ không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu cam, BKS 98M1-213.13 mà bị cáo sử dụng để đi bán pháo. Tại phiên tòa, bị cáo và mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị X đều xác định tiền mua xe là tiền của bà X nhưng do bà X không biết chữ nên bà X cho bị cáo đứng tên khi làm giấy tờ xe, chiếc xe này cả gia đình bị cáo cùng sử dụng chung. Hội đồng xét xử thấy: Chiếc xe BKS 98M1-213.13 mặc dù do bị cáo đứng tên giấy tờ xe nhưng bị cáo và bà X thừa nhận tiền mua xe là của bà X bỏ ra, do bà X không biết chữ nên đã cho bị cáo đứng ra làm giấy tờ xe mang tên bị cáo, chiếc xe là phương tiện cả gia đình cùng sử dụng chung, bị cáo mới đi làm công nhân, do chưa đủ tuổi lao động và trong thời gian học việc nên không có đủ tiền để sở hữu tài sản có giá trị lớn. Hội đồng xác định chiếc xe BKS 98M1-213.13 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà X. Bà X không biết và Đ cũng không nói

cho bà X biết việc Đ dùng chiếc xe này để vận chuyển mua bán pháo nên cần trả lại xe và giấy tờ đăng ký xe mang tên bị cáo Đ cho bà X theo quy định điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 190; Điều 47, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 106; Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hồng Đ** phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng Đ 18 (mười tám)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng Đ cho UBND xã M, huyện L, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

- Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thùng bìa cát tông in chữ nước ngoài, bên trong chứa pháo được hoàn lại đã được niêm phong trong 01 bao tơ dứa màu xanh có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, dải niêm phong có chữ ký của Giám định viên và đại diện Cơ quan trung cầu Công an huyện L;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu xanh đen nhãn hiệu Vivo;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng Đ 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng Đ;

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị X 01 xe máy nhãn hiệu Wave α của hãng Honda, sơn màu cam, biển kiểm soát 98M1-213.13 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Hồng Đ.

(Vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 56 ngày 14/04/2021 giữa Công an huyện L và Chi cục thi hành án dân sự huyện L).

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hồng Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Án xử công khai sơ thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Đô + Dương Minh Thiết

Vũ Thị Thiêm